TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2022
V/v ly hôn giữa anh B và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nguyên.

2. Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hữu Hoài B, sinh năm 1986; đăng ký thường trú: Số x, Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cư trú: Japan; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Lý Mộng T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số x, Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2022 và đơn cung cấp thông tin ngày 15/6/2022, nguyên đơn Trần Hữu Hoài B trình bày:

Vào năm 2013 anh B và chị Lý Mộng T có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 01/2013 ngày 14/5/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau nhận thấy vợ chồng không hợp nhau, bất đồng nhau về quan điểm, cách sống đã làm tình cảm vợ

chồng ngày càng phai nhạt nên đã ly thân với nhau và anh B đã đến Nhật Bản làm việc và sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Do con chung Trần Hữu Bữu L, sinh ngày 24/4/2014 từ nhỏ đã sống chung với chị T nên anh B đồng ý giao con chung Trần Hữu Bữu L cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B đồng ý cấp dưỡng cho cháu L đến khi con chung trưởng thành nếu chị T có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình xét xử, bị đơn Lý Mộng T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh B về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T cũng có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó bất đồng quan điểm với nhau làm cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, năm 2016 anh B đi hợp tác lao động tại Nhật Bản và vợ chồng ly thân đến nay. Hiện nay anh B đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh B. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu Bữu L, sinh ngày 24/4/2014 (hiện chị T đang nuôi dưỡng con chung), chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án ly hôn giữa anh Trần Hữu Hoài B là công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Nhận Bản và chị Lý Mông T là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; anh B có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản và chị T cư trú tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Nguyên đơn Trần Hữu Hoài B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy việc anh B và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013 ngày 14/5/2013 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Do trong quá trình sống chung, anh B và chị T có những bất đồng trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, năm 2016 anh B đến Nhận Bản làm việc và sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B yêu cầu được ly hôn chị T và chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh B. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận và quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu Hoài B và chị Lý Mộng T.

[3] Về nuôi con chung: Anh B và chị T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Hữu Bữu L, sinh ngày 24/4/2014 (hiện chị T đang nuôi dưỡng con chung). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu Bữu L, anh B cũng đồng ý giao con chung Trần Hữu Bữu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Bữu L có nguyên vọng được sống chung với chị T. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản: Anh B và chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh B và chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu Hoài B và chị Lý Mộng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Hữu Bữu L, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Lý Mộng T được trực tiếp nuôi dưỡng (hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu Lạc).

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

4. Về chia tài sản: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Anh Trần Hữu Hoài B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004674 ngày 13/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn kháng cáo của chị T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh B thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HS, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng